TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA** Bản án số: 10 */2023/*HNGĐ-ST Ngày: 16 / 6 /2023 *V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Tạ Thị Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trịnh Đình Hồng; Ông Đỗ Đức Thẩm

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn: Bà Nguyễn Thị Huấn - Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 20/2023 /TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 08 /QĐXX-HNGĐ ngày 15 / 5 /2023, quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N sinh năm 1983
Nơi ĐKNKTT: khu phố X, phường N, thị xã B, tỉnh T.
Nơi tạm trú: 57/40 L ,phường 7, quận G , Tp H
(chị N có đơn xin xử vắng mặt)

2.Bị đơn*:* Anh Trần Trọng N sinh năm 1982
Trú tại: Khu phố X, phường N , thị xã B , tỉnh T (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/ 02 /2023 , bản tự khai ngày 20 tháng 3 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Trọng N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND phường N, thị xã B, tỉnh T vào ngày 27/ 3 /2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N ngoại tình chị và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Trọng N .

Về phần con cái: Vợ chồng có 02 con chung cháu đầu là: Trần Phạm Minh N (nam) sinh ngày 20/9/2010 ; cháu thứ 2 là Trần Minh K (nam) sinh ngày 29/ 8 /2017. Ban đầu chị xin được nuôi cháu thứ hai còn cháu đầu chị đề nghị giao cho anh

N nuôi con, không ai phải đóng góp nuôi con cho ai sau đó chị lại xin nuôi cả hai cháu. Ngày 6/4/2023 chị Phạm Thị N có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, chị xin được ly hôn anh Nghĩa và nhất trí để cho anh N nuôi cả hai con do điều kiện chị phải đi làm ăn xa không trực tiếp nuôi được các cháu, công việc của chị là phun săm thẩm mỹ thu nhập trung bình là 10.000.000đ (mười triệu đồng/ tháng), nếu anh N đề nghị cấp dưỡng chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung với anh N để nuôi các cháu.

Về tài sản: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/3/20223 và quá trình giải quyết bị đơn anh Trần Trọng N trình bày: Anh và chị Phạm Thị N kết hôn với nhau vào năm 2009, đăng ký tại UBND phường N , thị xã B , tỉnh T. Hai bên đến với nhau trên cơ sở tự nguyện được sự chấp thuận của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là về vấn đề kinh tế khó khăn, nhiều khoản cần chi phí cho gia đình nên dẫn đến vợ chồng lục đục. Mặc dù anh không muốn ly hôn vì anh thấy anh vẫn còn tình cảm với chị N, nhưng chị N cương quyết xin ly hôn anh thì anh cũng nhất trí.

Về phần con cái: Vợ chồng có hai con chung là các cháu Trần Phạm Minh N (nam) sinh ngày 20/9/2010 ; cháu thứ 2 là Trần Minh K (nam) sinh ngày 29/ 8 /2017 nguyện vọng của anh xin được nuôi cả hai cháu. Tại phiên tòa anh đề nghị chị N đóng góp nuôi hai con chung mỗi tháng là 2.000.000đ/ cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trần Trọng N trình bày quan điểm không muốn ly hôn với chị N nhưng do chị N cương quyết nên anh cũng nhất trí ly hôn. Về con chung anh xin được nuôi con chung là các cháu Trần Phạm Minh N (nam) sinh ngày 20/9/2010; cháu thứ 2 là Trần Minh K (nam) sinh ngày 29/ 8 /2017, anh đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/ 1 cháu/ tháng cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên. Về tài sản anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã B phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N đề nghị xử cho chị N ly hôn anh Trần Trọng N. Về con chung đề nghị Tòa án giao hai con chung của chị N và anh N là các cháu Trần Phạm Minh N (nam) sinh ngày 20/9/2010 và Trần Minh K (nam) sinh ngày 29/ 8 /2017 cho anh N nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000đ/ tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Việc chị Phạm Thị N có đơn về việc: " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" đối với anh Trần Trọng N có địa chỉ tại phường N, thị xã B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 39 bộ luật Tố tụng Dân sự .

[2] Về nội dung vụ án :

-Về phần hôn nhân: Chị N và anh N kết hôn với nhau trên cở sở tự nguyện, đăng ký tại UBND phường N , thị xã B , tỉnh T vào năm 2009. Vì vậy, đây là hôn nhân được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo chị N trình bày do bất đồng quan điểm sống và do anh N có quan hệ ngoại tình. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết, anh N cũng thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ đầu năm 2020 xuất phát từ kinh tế trong gia đình. Anh N xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí ly hôn theo đơn của chị N . Tại phiên tòa hôm nay anh N trình bày quan điểm không muốn ly hôn nhưng do chị N cương quyết xin ly hôn anh nên anh cũng nhất trí . Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Trần Trọng N là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3]**Về phần con cái**: Vợ chồng có hai con chung là các cháu Trần Phạm Minh N (nam) sinh ngày 20/9/2010 ; cháu thứ 2 là Trần Minh K (nam) sinh ngày 29/ 8 /2017, nguyện vọng của chị N hiện nay các cháu đang học tại B nên chị đề nghị giao hai cháu cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. HĐXX xét thấy hiện nay chị N đi làm ăn xa không thể trực tiếp chăm sóc các cháu nên giao hai con chung của chị N và anh N cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị N đóng góp nuôi con chung với anh N để nuôi 2 con chung là 2.000.000đ/ 1 cháu/ 1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4]**Về tài sản**: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] **Về án phí**: Án phí DSST và án phí cấp dưỡng chị Phạm Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1.**Áp dụng**: khoản 1 điều 28 và khoản 3 điều 144; khoản 4 điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 51,56 81;82;83;84 Luật Hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mục 1.1 phần danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị N . Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Trần Trọng N.

2.Về phần con cái: Giao con chung của chị Phạm Thị N và anh Trần Trọng N là các cháu Trần Phạm Minh N (nam) sinh ngày 20/9/2010 ; Trần Minh K (nam) sinh ngày 29/ 8 /2017 cho anh Trần Trọng N được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị N đóng góp nuôi con chung với anh N mỗi tháng là 2.000.000đ/ tháng/ 1 cháu. Khoản đóng góp được tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị N được quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, anh Trần Trọng N không được ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp nuôi con chung.

Về phần tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

3.Về án phí: án phí Dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị N phải nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), và án phí cấp dưỡng chị N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ đi số tiền 300.000đ chị đã nộp tiền tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án Dân sự B theo biên lai thu số 0005343 ngày 23 tháng 02 năm 2023 . Như vậy, chị Phạm Thị N còn phải thi hành khoản tiền án phí cấp dưỡng là 300.000đ

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án Dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/6/2023), chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX Bỉm sơn;
-UBND P Ngọc Trạo,Tx Bỉm Sơn
- THADS thị xã Bỉm sơn
-Tòa án nhân dân tỉnh Thanh hóa
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HƯƠNG